

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TỪ NƯỚC NGOÀI ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2008 - 2016

Hoàng Thị Thu Hà¹

TÓM TẮT

Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam luôn được xếp vào nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời có thành tích giảm nghèo nhanh trên thế giới. Thành tựu trên đây là dấu hiệu tốt của quá trình chuyển đổi kinh tế và là kết quả của các chính sách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thông qua hoạt động ký hiệp định song phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các nước và vùng lãnh thổ của Chính phủ Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy để đánh giá những tác động của FDI tới một số yếu tố cấu thành nên tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong giai đoạn từ 2008 - 2016, dựa trên số liệu thu thập được từ các nguồn tin cậy. Bên cạnh đó, bài viết còn đưa ra một số khuyến nghị nhằm thu hút nguồn FDI chất lượng vào Việt nam.

Từ khóa: *Phân tích hồi quy, tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài*

1. Mở đầu

Trải qua các cuộc khủng hoảng kinh tế gây ra những biến động lớn trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, từ một quốc gia nghèo nàn và lạc hậu, Việt Nam đã thoát khỏi danh sách các nước kém phát triển để trở thành nước đang phát triển (năm 1990), từ một quốc gia hoạt động kinh tế chủ yếu diễn ra trong nước đã trở nên hội nhập kinh tế thế giới (năm 2000) và hướng tới mục tiêu trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự chuyển mình của nền kinh tế Việt Nam là FDI.

Trên thế giới, có nhiều nghiên cứu về tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế của từng quốc gia và vùng lãnh thổ như E. Borensztein (1998), H. Morgan (2005), Xiaoying Li (2005), L.

Alfaro (2013)... Trong nước, vấn đề này cũng được bàn luận ở một số công trình nghiên cứu của NTT.Anh (2006), NN.Hoa (2007), PN.Huy (2010)... Nhận định chung của các nghiên cứu cho rằng, FDI là nguồn bổ sung cốt yếu cho vốn đầu tư, là kênh chuyển giao công nghệ hiệu quả, là giải pháp hữu ích cho tăng việc làm và thu nhập cho người lao động, đồng thời góp phần tăng nguồn thu ngân sách thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và duy trì sự bền vững trong phát triển kinh tế địa phương.

Nhằm có những đánh giá khoa học và khách quan về tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam, đồng thời đưa ra những giải pháp thu hút những nguồn FDI chất lượng để đạt mức tăng trưởng kinh tế ổn định tại Việt

¹Trường Đại học Thương mại
Email: ha.bmtoan.vcu@gmail.com

Nam, tác giả đã nghiên cứu các số liệu kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2008 - 2016 từ các nguồn dữ liệu tin cậy. Từ đó, bằng cách sử dụng phương pháp phân tích hồi quy để đánh giá mức độ tác động của FDI đến từng thành phần trong tăng trưởng kinh tế.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế ở mỗi quốc gia

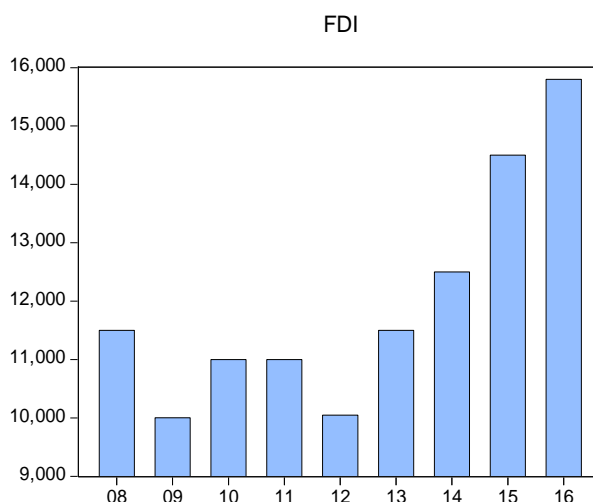
FDI giúp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế ở nhiều khía cạnh. *Thứ nhất*, FDI mang lại vốn cần thiết cho các nước đang phát triển. Những quốc gia này cần đầu tư nhiều hơn để đạt được mục tiêu tăng trưởng trong thu nhập quốc gia (GDP). Vì các nước đang phát triển thường không có đủ tiền tiết kiệm nên họ cần phải bổ sung dòng tiền này từ các khoản vay hoặc đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. *Thứ hai*, FDI cung cấp dòng chảy của nguồn ngoại hối và loại bỏ các ràng buộc trong cán cân thanh toán. Có thể thấy rằng phần lớn các nước đang phát triển phải chịu thâm hụt cán cân thanh toán vì nhu cầu ngoại hối của họ, điều này thường vượt xa nguồn thu quốc gia. Dòng vốn FDI thông qua việc cung cấp các nguồn ngoại hối gạt bỏ những rào cản của các nước đang phát triển trong công cuộc thúc đẩy tốc độ tăng trưởng. Theo quan điểm về cán cân thanh toán, FDI có lợi thế rõ rệt so với các khoản vay nước ngoài vì các khoản vay tạo ra trách nhiệm pháp lý buộc chính phủ hoặc các

công ty phải hoàn trả. Trong khi đó không có trách nhiệm pháp lý cố định cho FDI. Bên cạnh đó, những rủi ro trong các dự án cũng được chia sẻ bởi các nhà đầu tư nước ngoài thay vì các doanh nghiệp phải đơn độc gánh chịu. *Thứ ba*, FDI mang theo các nguồn lực đang bị thiếu hoặc khan hiếm ở các nước đang phát triển như là công nghệ, kỹ năng quản lý và kỹ năng tiếp thị - những tài sản quý giá tạo nên sự phát triển. Đây là lợi thế quan trọng nhất của FDI. *Thứ tư*, FDI thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế, làm tăng giá trị xuất khẩu vì các doanh nghiệp nước ngoài thường có mạng lưới tiếp thị toàn cầu - một lợi thế cho việc thúc đẩy hoạt động xuất khẩu ở các nước được đầu tư. Đối với hoạt động nhập khẩu, FDI làm gia tăng nhập khẩu nguyên liệu đầu vào là máy móc, thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. *Thứ năm*, FDI làm tăng cơ hội việc làm cho các quốc gia đang phát triển vì các doanh nghiệp nước ngoài thường tuyển dụng lao động ở các nước sở tại với mức lương chi trả thấp. Hơn nữa, cơ hội việc làm này được đánh giá ngày càng gia tăng ở những vùng có trình độ lao động cao với mức thu nhập xứng đáng. *Cuối cùng*, FDI tạo ra môi trường cạnh tranh cho quốc gia tiếp nhận đầu tư. Thật vậy, việc tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài vào thị trường trong nước tạo ra một môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên

thị trường nội địa. Điều này dẫn đến hiệu quả sản xuất và kinh doanh sẽ cao hơn, các sản phẩm và dịch vụ tốt hơn. Từ đó, người tiêu dùng có thể có nhiều

sự lựa chọn hơn.

2.2. Thực trạng của thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2008 - 2016



Hình 1: Biểu đồ FDI giai đoạn 2008 - 2016

(Nguồn: Tổng cục Thống kê [1])

Từ biểu đồ hình 1 nhận thấy trong giai đoạn 2008 - 2012, FDI có sự biến động thất thường. Năm 2008, tổng số vốn thực hiện là 11.500,2 triệu USD, tăng 43,14% so với năm 2007 vì từ tháng 1/2007, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư - kinh doanh trong nước ngày càng được cải thiện, khung pháp luật về đầu tư ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế nên nhiều làn sóng đầu tư lớn từ Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản đồng loạt rót vốn vào Việt Nam [2]. Đến năm 2009, do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu, dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng bị sụt giảm đáng kể. Tuy nhiên sau đó FDI đã tăng trở lại, đạt

mức 11.000 triệu USD vào năm 2011. Nhưng trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, các nhà đầu tư giảm sút niềm tin, bên cạnh đó lạm phát và các chi phí đầu vào tăng, việc giải phóng mặt bằng nhiều dự án gặp nhiều khó khăn... nên FDI lại giảm mạnh vào năm 2012, đạt 10.047 triệu USD. Giai đoạn 2013 - 2016, lượng tiền đầu tư từ nước ngoài lại tăng trở lại và đạt mức cao nhất 15.800 triệu USD vào năm 2016 do hàng loạt Hiệp định thương mại tự do có hiệu lực.

Dưới đây, chúng ta sẽ đi phân tích lượng FDI được phân bổ theo đối tác đầu tư, theo ngành kinh tế và theo địa phương vào Việt Nam cho đến ngày 31/12/2016.

Bảng 1: FDI phân bổ theo đối tác đầu tư chủ yếu

Các quốc gia và vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
Hàn Quốc	5.773	50.553,5
Nhật Bản	3.292	42.433,9
Singapore	1.796	38.255,4
Đài Loan	2.516	31.885,5
Quần đảo Virgin thuộc Anh	687	20.482,1
Các quốc gia khác	8.436	110.051,6
Tổng	22.500	293.662

(Nguồn: Tổng cục Thống kê [1])

Tính tới 31/12/2016, đã có 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới có lượng vốn FDI đổ về Việt Nam. Trong đó, quốc gia có vốn FDI lớn nhất là Hàn Quốc với 5.773 dự án và tổng số vốn đăng ký là 50.553,5 triệu USD, chiếm 17,21% tổng số vốn FDI. Mặc dù số vốn bình quân trên một dự án thấp hơn so với quy mô vốn trung bình của một dự án FDI ở Việt Nam nhưng các doanh nghiệp có vốn FDI của Hàn Quốc tiêu biểu như các hãng Samsung, LG hay Lotte... luôn là những đối tác quan trọng của nền kinh tế nước ta. Đối tác đầu tư lớn thứ hai của Việt Nam là Nhật Bản với các thương hiệu như Honda, Toyota, Aeon... đã đầu tư trên 3.292 dự án và tổng số vốn đăng ký là 42.433,9

triệu USD, chiếm 14,45%. Tiếp theo là Singapore với số vốn FDI đầu tư vào nước ta có xu hướng ngày càng tăng mạnh. Lượng vốn này tập trung nhiều nhất ở ngành công nghiệp chế biến và kinh doanh bất động sản. Đài Loan là đối tác đầu tư lớn thứ tư với 2.516 dự án được cấp phép với tổng số vốn đăng ký là 31.885,5 triệu USD đầu tư vào 21 ngành kinh tế. Trong đó các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm nhiều nhất (hơn 90% tổng số vốn), sau đó đến lĩnh vực xử lý chất thải (chiếm 7%). Sau các đối tác trên, quần đảo Virgin (thuộc Anh), Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) cũng là các đối tác đầu tư lớn của Việt Nam [2].

Bảng 2: FDI được cấp giấy phép phân theo ngành kinh tế

Ngành	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.716,0	172.717,6
Hoạt động kinh doanh bất động sản	581,0	52.203,7
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	108,0	12.907,6
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	545,0	11.494,7
Xây dựng	1.384,0	10.658,7
Các ngành khác	8.260,0	33.718,1
Tổng	22.594,0	293.700,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê [1])

Tính đến ngày 31/12/2016, ngành công nghiệp chế biến và chế tạo thu hút được nhiều vốn FDI nhất với 11.716 dự án trong tổng số 22.594 dự án, chiếm 52% và số vốn đăng ký là 172.717,6 triệu USD, chiếm 58.8% tổng lượng vốn FDI. Nguồn vốn này đã góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, khai thác, chế biến dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin... góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa xuất khẩu, tiếp thu các công nghệ tiên tiến, góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng ở các địa phương [2].

Tiếp đó, hoạt động kinh doanh bất động sản cũng đã thu hút được 581 dự

án với tổng vốn đăng ký là 52.203,7 triệu USD, chiếm 17,8% tổng lượng vốn FDI. Nguồn vốn FDI trong khu vực này đã góp phần tạo nên bộ mặt mới trong lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao như khách sạn, văn phòng, địa điểm du lịch... Các dịch vụ này đã góp phần thu hút một lượng khách du lịch trong và ngoài nước, làm tăng GDP một cách đáng kể [2].

Bên cạnh đó, các ngành xây dựng, dịch vụ ăn uống và lưu trú, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí thu hút nguồn đầu tư nước ngoài như nhau, chiếm 4% tổng vốn FDI đăng ký.

Bảng 3: FDI được phân theo địa phương

Các vùng kinh tế	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)
Đông Nam Bộ	11.961	130.500,1
Đồng bằng sông Hồng	7.031	78.531,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1.364	49.054,9
TP. Hồ Chí Minh	6.762	45.293,4
Bà Rịa - Vũng Tàu	345	27.089,3
Bình Dương	3.050	26.599,7
Đồng Nai	1.368	25.871,5
Hà Nội	3.960	25.748,8
Các địa phương khác	9.297	17.5943,0
Tổng	45.138	584.632,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê [1])

Kết quả thống kê ở bảng 3 cho thấy Đông Nam Bộ là vùng kinh tế thu hút được nhiều nguồn vốn từ nước ngoài nhất, với 11.961 dự án trị giá 130.500,1 triệu USD, chiếm 22,32% tổng giá trị. Sở dĩ có thứ hạng này vì Đông Nam Bộ là Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tập trung số lượng các khu công nghiệp lớn và thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất của cả nước. Tại đây có nhiều khu công nghệ cao, khu chế xuất như: Biên Hòa, Nhơn Trạch, Loteco, Amata (Đồng Nai), Sóng Thần, Việt Nam - Singapore...

Tiếp đến là Đồng bằng Sông Hồng với các ngành công nghiệp trọng điểm là: công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản

xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí, thu hút 13, 43% tổng giá trị FDI.

Đối với các thành phố trực thuộc trung ương, thành phố Hồ Chí Minh thu hút được nhiều FDI nhất, với 6.762 dự án trị giá 45.293,4 triệu USD, chiếm 7.74% tổng giá trị. Trong khi đó thủ đô Hà Nội chỉ thu hút được 3.960 dự án, trị giá 25.748,8 triệu USD, chiếm 4.4% [2].

2.3. Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của Việt nam giai đoạn 2008 - 2016

2.3.1. Tác động đến hoạt động hoạt động xuất khẩu

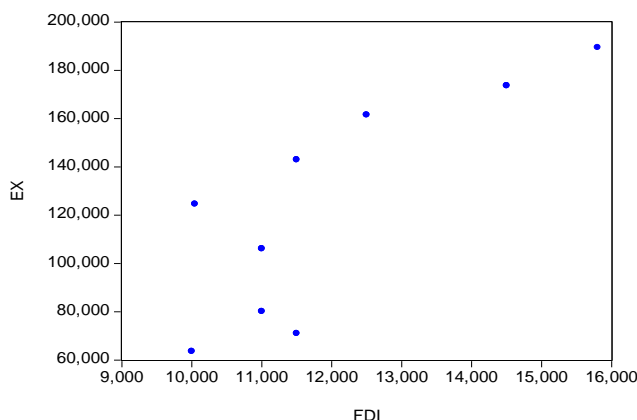
Theo số liệu từ Ngân hàng thế giới về giá trị xuất khẩu (EX- triệu USD) và FDI (triệu USD) của Việt Nam trong giai đoạn từ 2008 - 2016.

Bảng 4: Số liệu của EX và FDI giai đoạn 2008-2016

Năm	EX (triệu USD)	FDI (triệu USD)
2008	71.048,00	11.500,2
2009	63.615,00	10.000,5
2010	80.153,00	11.000,3
2011	106.180,0	11.000,1
2012	124.609,0	10.046,6
2013	143.024,0	11.500,0
2014	161.510,0	12.500,0
2015	173.711,0	14.500,0
2016	189.454,0	15.800,0

(Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng thế giới [3])

Ta có đồ thị hình 2 thể hiện mối tương quan giữa FDI và EX.



Hình 2: Đồ thị giữa EX và FDI

Từ đồ thị hình 2 ta thấy FDI và EX trong giai đoạn này có mối quan hệ tuyến tính. Do đó, hồi quy mô hình giữa EX và FDI, thu được kết quả sau:

$$EX = -102.487,94 + 18,88 * FDI \quad (1)$$

$$\text{Prob} = 0,0090 \quad R^2 = 0,646797$$

Kết quả trên cho biết, khi thu hút được thêm 1 triệu USD từ nguồn vốn nước ngoài, giá trị xuất khẩu bình quân của Việt nam mỗi năm sẽ tăng thêm 18,88 triệu USD và FDI giải thích được 64,68% sự biến động của xuất khẩu so với giá trị xuất khẩu trung bình.

2.3.2. Tác động đến việc làm

Theo báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2013 của Tổng cục Thống kê, số lao động việc làm trong các doanh nghiệp FDI là trên 3,2 triệu người. Khu vực này chỉ tạo ra lượng việc làm tương đối nhỏ, chưa đến 5% trong lực lượng lao động. Cho tới nay, tỷ lệ này dù có tăng song cũng chỉ chiếm chưa tới 10%. Các doanh nghiệp FDI hiện nay chủ yếu tập trung vào các ngành, lĩnh vực sử

dụng nhiều lao động phổ thông có chi phí nhân công thấp [4].

Theo Bản tin thị trường lao động quý II/2016 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), tỷ lệ lao động thất nghiệp có xu hướng tăng và nếu tiếp tục xu hướng này sẽ tạo sức ép cho xã hội và nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, dòng vốn FDI vẫn tăng mạnh, đặc biệt là đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo, cho thấy khả năng tạo việc làm từ dòng vốn này còn bị “bỏ ngỏ”. Cụ thể, trong quý II/2016, cả nước có 1,08 triệu người trong độ tuổi lao động bị thất nghiệp, tăng tới 16.400 người so với quý I/2016. Thất nghiệp đã tăng cả số lượng và tỷ lệ, điều này đi ngược lại với dự báo của Bộ LĐ-TB&XH khi kết thúc quý I/2016. Biểu hiện đáng lo ngại khác, trong quý này, chuyên dịch lao động làm công hưởng lương có dấu hiệu chững lại, đặc biệt trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo, vốn là ngành thế mạnh của khu vực FDI. Tỷ lệ lao động làm công hưởng

lương giảm nhẹ, từ 41,4% quý I/2016 giảm xuống còn 41,26% trong quý II. Trong tổng số 93.600 lao động làm công hưởng lương bị thuyên giảm trong quý II/2016 so với quý I, có 46.500 người làm việc trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo, chiếm tới 49.7% [5].

Vậy tác động của FDI tới việc làm thực chất như thế nào? Để trả lời câu hỏi này, dựa vào số liệu thu thập được về tỷ lệ việc làm trong các ngành công nghiệp (EMPLINS), nông nghiệp (EMPLAGR) và dịch vụ (EMPLSER) tại Việt nam, giai đoạn từ 2008 - 2016.

Bảng 5: Số liệu về FDI, tỷ lệ việc làm ở các ngành nghề

Năm	FDI(triệu USD)	EMPLINS	EMPLAGR	EMPLSER
2008	11.500,2	20,8	51,7	27,4
2009	10.000,5	21,1	50,9	28,0
2010	11.000,3	21,3	49,9	28,9
2011	11.000,1	21,2	48,7	30,2
2012	10.046,6	21,1	47,4	31,5
2013	11.500,0	21,2	46,8	32,0
2014	12.500,0	21,4	46,3	32,2
2015	14.500,0	22,3	44,0	33,7
2016	15.800,0	22,7	42,8	34,5

(Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng thế giới [3])

Để đánh giá tác động của FDI lên tỷ lệ việc làm ở mỗi ngành nghề, xét các mô hình hồi quy sau:

$$\text{EMPLINS} = -12,285 + 3,597 \cdot \text{LOG}(\text{FDI}) \quad (2)$$

Prob=0,0009 $R^2 = 0,814447$

$$\text{EMPLAGR} = 194,396 - 15,649 \cdot \text{LOG}(\text{FDI}) \quad (3)$$

Prob= 0,0079 $R^2 = 0,658922$

$$\text{EMPLSER} = -81,283 + 11,963 \cdot \text{LOG}(\text{FDI}) \quad (4)$$

Prob= 0,019 $R^2 = 0,568027$

Từ mô hình (2) và (4) cho thấy, nếu FDI tăng lên 1% thì tỷ lệ việc làm trong các ngành công nghiệp và dịch vụ đều tăng khoảng 3,597%, 11,69% tương ứng. Trong khi đó, mô hình (3) lại cho

thấy tỷ lệ việc làm trong ngành nông nghiệp giảm mạnh khoảng 15,649% khi FDI tăng lên 1%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế vì FDI đẩy mạnh sự phát triển trong công nghiệp,

sản xuất và chế biến; tạo việc làm cho hàng ngàn lao động về lĩnh vực này.

2.3.3. Tác động đến tổng thu nhập quốc dân (GDP)

Theo báo cáo từ Tạp chí Tài chính, bình quân từ năm 1991-2000 GDP tăng 7,6%/ năm. Giai đoạn từ 2001-2010 GDP tăng bình quân 7,26%/ năm. Giai đoạn 2011-2015 đạt khoảng 6%/ năm. Tính chung cho cả giai đoạn GDP tăng bình quân gần 7%, trong đó có tới 20 năm liên tục GDP tăng bình quân 7,43%. Đến năm 2016, quy mô nền

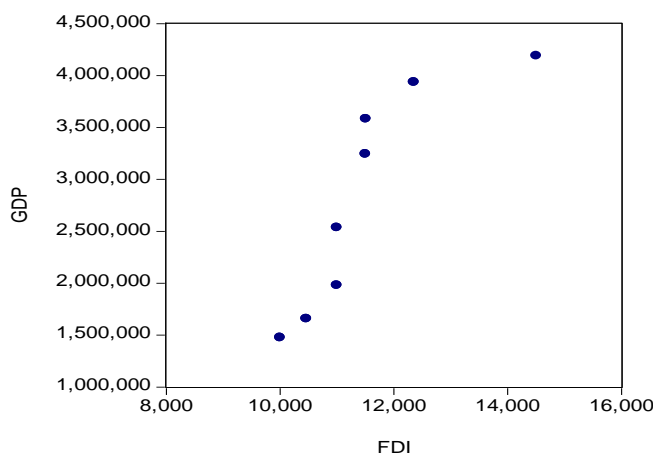
kinh tế đã đạt khoảng 217 tỷ USD. Điều này, giúp Việt Nam đứng ở vị trí thứ 6 trong khu vực Đông Nam Á và top 50 nền kinh tế quy mô nhất thế giới với thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 2.200 USD (tương đương 48,6 triệu đồng/ năm), trở thành một nước có thu nhập trung bình khá của thế giới [6].

Vậy điều gì khiến GDP có sự tăng trưởng đến như vậy? Chúng ta cùng tìm câu trả lời từ những kết quả phân tích mối quan hệ giữa GDP và FDI.

Bảng 6: Số liệu của GDP và FDI giai đoạn 2008 - 2016

Năm	GDP (tỷ VND)	FDI (triệu USD)
2008	1.477,717	10.000
2009	1.658,389	10.460
2010	1.980,914	11.000
2011	2.536,631	11.000
2012	3.245,419	11.500
2013	3.584,262	11.510
2014	3.937,856	12.350
2015	4.192,862	14.500
2016		15.800

(Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng thế giới [3], Dữ liệu kinh tế vĩ mô [7])



Hình 3: Đồ thị giữa FDI và GDP

Từ đồ thị hình 3 ta thấy, FDI và GDP có quan hệ tương quan chặt chẽ cùng chiều. Do đó, có thể dùng một

$$\text{GDP} = -4.721.167,374 + 654,066 * \text{FDI} \quad (5)$$

$$\text{Prob} = 0,0062 \quad R^2 = 0,739428$$

$$\text{LOG}(\text{GDP}) = -13,462 + 3,022 * \text{LOG}(\text{FDI}) \quad (6)$$

$$\text{Prob} = 0,0072 \quad R^2 = 0,726483$$

Theo đồ thị hình 3 và hai mô hình (5) và (6), ta thấy rằng FDI có ảnh hưởng tích cực đến GDP Việt Nam. Cụ thể, theo mô hình (5) nếu FDI tăng lên 1 triệu USD thì GDP sẽ tăng lên 654,066 tỷ VNĐ. Bên cạnh đó, trong mô hình (6) ta lại thấy tác động của sự thay đổi tương đối của FDI lên GDP, cụ thể nếu FDI tăng lên 1% thì GDP sẽ tăng lên 3,022%. Cả hai mô hình đều có độ phù hợp trên 70%.

2.4. Một số khuyến nghị

Để thu hút được nhiều nguồn đầu tư từ nước ngoài chất lượng, chính phủ cần thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, các hoạt động của cơ quan xúc tiến đầu tư (IPA) cần phải đẩy mạnh triệt để. Một IPA thành công có thể đạt được những nguồn đầu tư thích hợp. Ngoài ra, nó nên hoạt động như là cơ quan một cửa để đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, IPA nên hoạt động như là cầu nối với nền kinh tế của nước chủ nhà để cung cấp cơ sở hạ tầng đỉnh cao và phương tiện hiện đại cho công nhân lành nghề, kỹ

thuật viên, kỹ sư và nhà quản lý, điều này là có sức thu hút lớn đối với các nhà đầu tư.

Thứ hai, thiết lập chương trình phát triển bán hàng để hỗ trợ quá trình giao dịch giữa khách hàng quốc tế và nhà cung cấp địa phương. Để tăng cường năng lực của nền kinh tế trong nước, chương trình này có thể cung cấp các cơ hội tài chính cho các nhà cung cấp bản địa để đầu tư theo yêu cầu trên cơ sở hợp đồng mua từ khách hàng nước ngoài.

Thứ ba, nhà nước cần hỗ trợ thành lập khu chế xuất, tạo hành lang pháp lý cho các khu công nghiệp dễ dàng kết nối với các doanh nghiệp nước ngoài.

Thứ tư, cải thiện chức năng của thị trường tài chính toàn cầu, cho phép các nước đang phát triển khai thác nguồn FDI của họ. Chẳng hạn, các tổ chức thị trường tài chính tốt hơn giúp thị trường tài chính thâm hụt ở các nước sở tại vượt qua giai đoạn khó khăn, từ đó tăng nguồn FDI cho các nước đang phát triển.

Thứ năm, thành lập quỹ và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu chính sách hiệu quả cho sự phát triển của quốc gia nhằm thu hút được nhiều nguồn vốn FDI chất lượng để cải thiện tình hình kinh tế của đất nước.

Cuối cùng, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu hài hòa hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường, hài hòa lợi ích của nước chủ nhà với lợi ích của nhà đầu tư.

3. Kết luận

Bên cạnh những tác động tích cực của FDI đến Việt Nam nói riêng và các quốc gia khác nói chung, Việt Nam cũng đang đối mặt với một số thách

thức, khó khăn và yếu kém trước tác động hai mặt của FDI và yêu cầu phát triển bền vững và tái cấu trúc nền kinh tế trong giai đoạn phát triển mới như: tăng dòng nhập siêu, mất đi nhiều việc làm truyền thống, ô nhiễm môi trường tự nhiên và khai thác lãng phí tài nguyên thiên nhiên... Để hạn chế những mặt trái mà FDI mang lại, rất cần có sự tham gia tích cực của các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia trong việc phân tích những tác động tiêu cực mà FDI mang lại, từ đó đưa ra các chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê, Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=716>, (15/3/2018)
2. Nguyễn Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Thúy Vân (2007), “Thực trạng thu hút FDI tại Việt Nam giai đoạn 1988-2016”, Nguồn: <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/kinh-te-dau-tu/thuc-trang-thu-hut-fdi-tai-viet-nam-giai-doan-19882016-130978.html>, (18/3/2018)
3. Dữ liệu Ngân hàng thế giới, Nguồn: <http://databank.worldbank.org/>, (truy cập ngày 15/3/2018)
4. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006), “Tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”, Nguồn: http://www.ciem.org.vn/Portals/0/CIEM/BaoCaoKhoaHoc/2005/RRFDITang_truong_KTvietnamese_233.pdf, (19/3/2018)
5. Ngọc Khanh, “FDI - lượng nhiều nhưng tạo ít việc làm”, Nguồn: <http://thoibaonganhang.vn/fdi-luong-nhieu-nhung-tao-it-viec-52736.html>, (19/3/2018)
6. Hiếu Công (2017), “Kinh tế Việt Nam chuyển mình ra sao?”, Nguồn: <https://news.zing.vn/kinh-te-viet-nam-chuyen-minh-ra-sao-post742073.html>, (21/3/2018)

7. Dữ liệu kinh tế vĩ mô, Nguồn: <http://finance.vietstock.vn/du-lieu-vi-mo/>, (15/3/2018)

EVALUATING IMPACT OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT ON VIETNAM'S ECONOMIC GROWTH FOR THE PERIOD 2008 - 2016

ABSTRACT

For over a decade, Vietnam has consistently been ranked among the countries with high economic growth rates, and has been credited with the rapid poverty reduction in the world. The mentioned achievements are a good sign of the economic transition and are the result of policies on attracting foreign direct investment (FDI) through the signing of the bilateral agreements on promoting and protecting investors from many countries and territories by Vietnamese government. In this article, the author uses the regression analysis method to assess the effects of FDI on a number of factors that contribute to economic growth in Vietnam in the period 2008-2016, based on data collected from reliable sources. In addition, the article provides some recommendations to the attraction of high- quality FDI into Vietnam.

Keywords: *Regression analysis, economic growth, attracting foreign investment*

(Received: 23/7/2018, Revised: 19/8/2018, Accepted for publication: 18/9/2018)